

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3



*(Ban hành theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012
của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

Quảng Ngãi, tháng 04 năm 2013

Mục lục

| | |
|--|----|
| I. THÔNG TIN CHUNG | 2 |
| 1. Thông tin khái quát..... | 2 |
| 2. Quá trình hình thành và phát triển:..... | 2 |
| 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh..... | 3 |
| 4. Thông tin về mô hình quản trị tổ chức, kinh doanh và bộ máy quản lý..... | 6 |
| 5. Định hướng phát triển..... | 17 |
| 6. Các rủi ro..... | 19 |
| II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM | 19 |
| 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:..... | 19 |
| 2. Tổ chức và nhân sự..... | 21 |
| 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án..... | 25 |
| 4. Tình hình tài chính..... | 26 |
| 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu..... | 27 |
| III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 28 |
| 1. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Giám đốc..... | 28 |
| 2. Tình hình tài chính..... | 29 |
| 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý..... | 29 |
| 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai..... | 30 |
| IV - ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY | 32 |
| 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty..... | 32 |
| 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc..... | 33 |
| 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị..... | 33 |
| V - QUẢN TRỊ CÔNG TY | 34 |
| 1. Thành viên hội đồng quản trị..... | 34 |
| 2. Ban kiểm soát..... | 40 |
| 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát..... | 41 |
| VI - BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 42 |
| 1. Ý kiến của kiểm toán..... | 42 |
| 2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán..... | 43 |

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

| | |
|--|--|
| TÊN CÔNG TY | : CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3 |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: | 4400135344 |
| Vốn điều lệ | : 35.000.000.000 đồng |
| Địa chỉ | : Lô4K, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Quảng Ngãi. |
| Số điện thoại | : 055.3710 321 |
| Số FAX | : 055.3710 313 |
| Website | : www.Lilama45- 3.com |
| Mã cổ phiếu | : L43 |

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Cổ phần Lilama 45.3 tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.3 (Doanh nghiệp Nhà nước) thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 010A/BXD ngày 27/01/1993 của Bộ xây dựng.
- Theo Quyết định số 04/QĐ-BXD ngày 04/01/2005 của Bộ xây dựng về việc thực hiện sắp xếp đổi mới phát triển các Tổng công ty nhà nước và Doanh nghiệp Nhà nước độc lập thuộc Bộ xây dựng năm 2005 và Công văn số 80/TCT-HĐQT ngày 14/03/2005 của Tổng Công ty Lắp máy Việt nam gửi các công ty thành viên về việc thực hiện cổ phần hoá các Công ty thành viên năm 2005. Công ty lắp máy và Xây dựng 45.3 đã tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần và đã được Bộ xây dựng phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại Quyết định số 1810/QĐ-BXD ngày 21/09/2005 với giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2005 là 4.565.889.766 đồng.
- Ngày 11/11/2005 Bộ xây dựng có Quyết định số 2112/QĐ-BXD về việc phê duyệt

à xây dựng 45-3 thuộc Tổng công ty Lắp
000 đồng (Vốn nhà nước chiếm 51%),

phương án cổ phần hoá Công ty Lắp máy
máy Việt Nam với số vốn điều lệ 6.815.000.

phần Lilama 45.3 chính thức được thành lập theo Quyết
trương BND với số vốn điều lệ là: 6.815.000.000 đồng;
anh nghiệp là: 3.476.000.000 đồng (Chiếm 51%) và phần
3.339.000.000 đồng (Chiếm 49%). Công ty cổ phần
vào hoạt động từ ngày 15 tháng 05 năm 2006 theo giấy

Ngày 24/05/2006 Công ty Cổ
định số 497/QĐ-BND của Bộ
Trong đó vốn nhà nước tại Đ
vốn góp của các cổ đông là
Lilama 45.3 đã chính thức đi

chứng nhận đăng ký kinh doanh số 340300084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

- Ngày 22/03/2007 Bộ xây dựng có Quyết định số 454/QĐ-BXD về giá trị vốn nhà nước tại thời điểm 0 giờ ngày 01/07/2006 để bàn giao doanh nghiệp nhà nước: Công ty Lắp máy và xây dựng 45-3 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam sang Công ty cổ phần Lilama 45.3.
- Theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC), đến ngày 01/07/2007 vốn điều lệ của Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã tăng lên 35.000.000.000 đồng (Trong đó vốn nhà nước chiếm 51%) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ nhất do sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 29 tháng 05 năm 2007.
- Công ty đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ hai ngày 27 tháng 12 năm 2007, thay đổi giấy phép lần thứ ba vào ngày 20 tháng 03 năm 2008, và thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ tư vào ngày 06 tháng 08 năm 2009 để thay đổi người đại diện pháp luật tại doanh nghiệp.
- Ngày 08/04/2008 Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội có Quyết định số 128/QĐ - TTGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Lilama 45.3. Ngày 11/06/2008 cổ phiếu Công ty Cổ phần Lilama 45.3 (L43) chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Theo nhu cầu sản xuất kinh doanh, Công ty có thành lập một chi nhánh công ty tại Hà Nội, có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu ngày 28/09/2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

+ Ngành nghề kinh doanh:

Xây dựng, lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp (xi măng, thủy điện, nhiệt điện, dầu khí, các công trình công nghiệp khác, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp), đường dây tải điện, trạm biến thế; Thi công xử lý nền móng, trang trí nội thất; Lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình; Sản xuất kinh doanh vật tư, đất đèn, que hàn, ô xy, phụ tùng cầu kiện kim loại cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng; Gia công, chế tạo, lắp đặt, sửa chữa thiết bị nâng và thiết bị chịu áp lực (binh, bể, đường ống chịu áp lực), thiết bị cơ, thiết bị điện, kết cấu thép phi tiêu chuẩn, cung cấp lắp đặt và bảo trì thang máy; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ, vật liệu xây dựng, điện máy, hoá chất, phụ tùng, dụng cụ cơ khí, xăng, dầu, mỡ, khí đốt, khí công nghiệp; Đại lý mua bán ký gửi hàng hoá; Tư vấn khảo sát thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp; Tư vấn đầu tư lắp đặt các dây chuyền công nghệ, kiểm tra môi hàn bằng phương pháp không phá

huỷ (siêu âm, thăm thấu, từ tính Xray); Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ; Chống ăn mòn bề mặt kim loại; Đầu tư hạ tầng kỹ thuật và các công trình công nghiệp; Kinh doanh bất động sản, khách sạn, nhà hàng và hoạt động vui chơi giải trí.

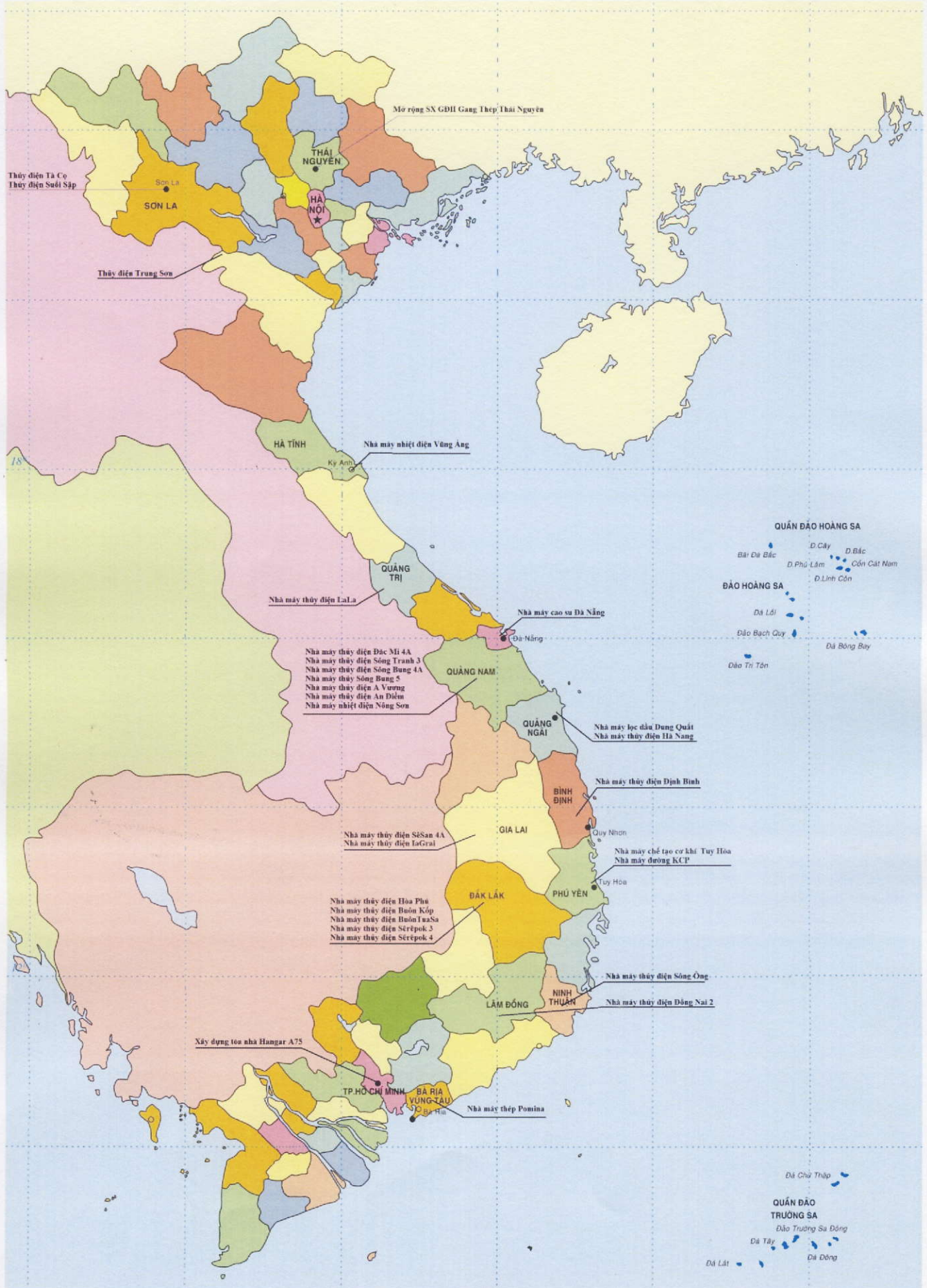
Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chế tạo, lắp đặt, tư vấn đầu tư các công trình xây dựng công nghiệp.

+ Địa bàn kinh doanh:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

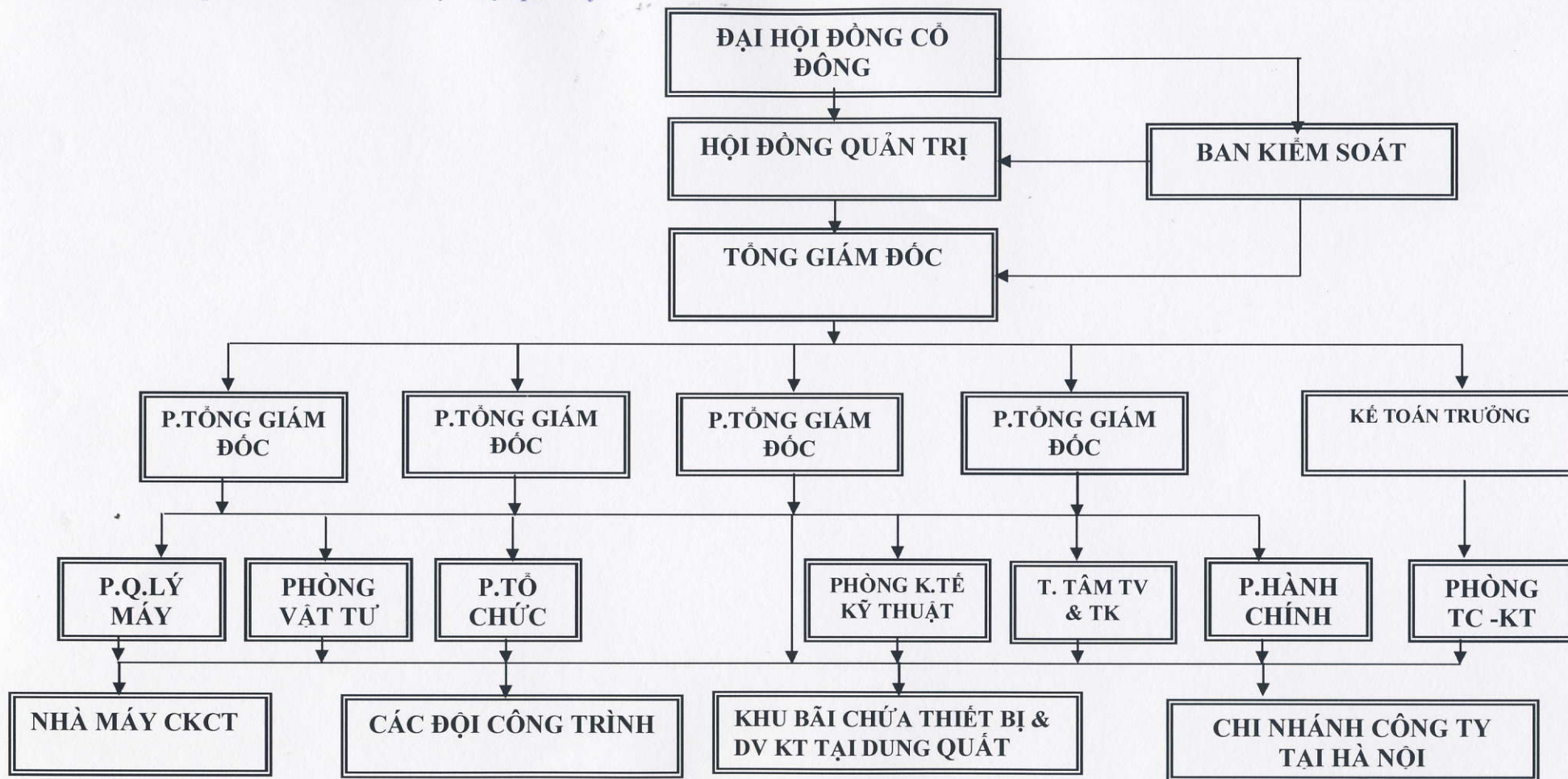
| <u>Trụ sở/ Chi nhánh</u> | <u>Địa điểm</u> |
|--------------------------------|---|
| Trụ sở chính | Lô 4K, Tôn Đức Thắng, Phường Lê Hồng Phong Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, CHXHCN Việt Nam |
| : Chi nhánh Công ty tại Hà Nội | A8/TT7 khu đô thị Văn Quán, phường Phúc La, quận Hà Đông Thành Phố Hà Nội |
| : Chi nhánh | Nhà máy cơ khí Lilama 45.3 - Số 51 đường Độc lập TP Tuy Hòa – Phú Yên |
| : Chi nhánh | Trung tâm tư vấn thiết kế Lilama 45.3 – Lô4 K Tôn Đức Thắng – TP Quảng Ngãi - tỉnh Quảng Ngãi |
| Văn phòng đại diện Lilama 45.3 | Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh ĐăkLăk |

Chủ yếu các công trình nằm tại Miền trung và Tây Nguyên như: Nhà máy thủy điện Iarung & Chư Pông, TĐ IAGRAI (Gia Lai), TĐ Hòa Phú (Buôn Mê Thuột); nhà máy nhiệt điện Vũng Áng (Hà Tĩnh), TĐ Vĩnh Sơn 5(Bình Định), TĐ Sông Bung 4A, TĐ Sông Bung 5, TĐ ĐăkMi 4, TĐ Sông Tranh 3 (Quảng Nam), TĐ ĐăkBri và TĐ Đồng Nai 2 (Lâm Đồng) ; TĐ La La - Quảng Trị; xây dựng toà nhà Hang gar và khu phụ trợ - dự án sửa chữa máy bay thân rộng A75 (TP Hồ Chí Minh); Gia công và lắp đặt nhà xử lý bụi, hệ thống xử lý bụi Nhà máy luyện phôi thép Pomina (Bà Rịa Vũng Tàu); dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 nhà máy Gang thép Thái Nguyên, Lắp đặt thiết bị, đường ống công nghệ, thiết bị điện, chống sét dự án SX lốp xe tải Radial – Nhà máy cao su Đà Nẵng vv..



4. Thông tin về mô hình quản trị tổ chức, kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý



a, Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất 01 lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, ĐHĐCĐ sẽ quyết định phương hướng, nhiệm vụ phát triển Công ty và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, dài hạn của Công ty; thông qua phương án sử dụng tài sản và phương án đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và hoàn thiện công nghệ. ĐHĐCĐ cũng là cơ quan bầu, bãi miễn thành viên HĐQT và các kiểm soát viên.

b, Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến quản lý và hoạt động của Công ty phù hợp với Pháp luật Việt Nam, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có thẩm quyền quyết định chiến lược phát triển của Công ty. HĐQT có trách nhiệm giám sát giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ quy định.

c, Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát Công ty hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

d, Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của công ty gồm có Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người điều hành và có quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty. Cụ thể như sau:

d, Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về hoạt động hàng ngày của Công ty. Là người điều hành và có quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty. Giúp việc cho Tổng giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.

e, Phó Tổng giám đốc

Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

h, Các phòng, Ban chức năng công ty gồm

+ Phòng tổ chức lao động

- Phòng tổ chức lao động, bảo vệ có chức năng tuyên truyền hướng dẫn, giáo dục Cán bộ công nhân viên trong Công ty về các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước, quyền và nghĩa vụ của công dân.
- Chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc về quy hoạch đào tạo, đề bạt và bổ nhiệm cán bộ quản lý, đào tạo, tổ chức đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân và nâng cao tay nghề cho công nhân, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị và sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giám sát việc thực hiện chế độ chính sách, thực hiện nội quy kỷ luật lao động tại các đơn vị, thời giờ làm việc của toàn công ty. Đảm bảo 8h trong một ngày làm việc 44h trong một tuần.
- Quản lý chặt chẽ lực lượng lao động và đáp ứng kịp thời hợp lý nguồn nhân lực theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của từng đơn vị, quản lý và bổ sung hồ sơ nhân sự.
- Có kế hoạch đào tạo cán bộ, tuyển dụng và đào tạo nâng cao tay nghề cho đội ngũ công nhân, đáp ứng yêu cầu chiến lược củng cố và phát triển của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo hàng tháng, quý về tổ chức nhân sự và lao động tiền lương theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện đầy đủ chính sách nghĩa vụ, quyền lợi đối với người lao động như: BHXH, BHYT, BHTN chế độ nghỉ ngơi hàng năm. Duyệt ký chế độ nghỉ phép hàng năm cho người lao động trừ những cán bộ do Tổng giám đốc điều hành quản lý. Ký giấy giới thiệu thông thường cho quan hệ xã hội dân sự, đảm bảo mọi hoạt động thông suốt của công ty và tự chịu trách nhiệm hậu quả khi đã ký.
- Duy trì thường xuyên và thực hiện kịp thời công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật, khuyến khích thợ giỏi, cán bộ giỏi, những người có tâm huyết với công ty.
- Quan hệ mật thiết với chính quyền địa phương, với dân, với cấp trên để tạo mối quan hệ làm việc thuận lợi, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ toàn diện của Công ty.

- Bảo vệ tài sản an toàn của công ty trong khu cơ quan, khu nhà xưởng, các công trình công cộng - Đảm bảo trật tự an ninh chính trị nội bộ, xã hội nơi Công ty tham gia đóng quân và kinh doanh sản xuất. Đảm bảo sự đoàn kết trong cơ quan, trong các phòng ban nghiệp vụ, giải quyết kịp thời khi có phát sinh trong đời sống xã hội.
- Chỉ đạo việc lập kế hoạch thực hiện công tác huấn luyện tự vệ quân sự hàng năm theo hướng dẫn của Ban chỉ huy quân sự quận và Thành phố.
- Chỉ đạo việc phòng chống bão lụt, lập các phương án cứu trợ kịp thời khi có thiên tai xảy ra.
- Đảm nhận việc ghi chép thư ký của các cuộc họp giao ban và các cuộc họp điều hành sản xuất thường kỳ.

+ Phòng tài chính kế toán

- Giúp Tổng giám đốc trong công tác kiểm tra kiểm soát việc thực hiện các chế độ chính sách tài chính, chế độ kế toán của Nhà nước, việc bảo vệ tài sản; vật tư tiền vốn và quản lý vốn nhà nước và vốn góp của các cổ đông.
- Giúp Tổng giám đốc trong công tác hạch toán kế toán. Thu thập xử lý thông tin số liệu kế toán và tính toán ghi chép toàn bộ đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong doanh nghiệp theo các chuẩn mực kế toán và luật kế toán hiện hành.
- Giúp Tổng giám đốc phân tích quản trị tài chính và hiệu quả SXKD cung cấp các thông tin kinh tế cho Tổng Giám đốc để Tổng Giám đốc điều hành sản xuất kinh doanh theo đúng luật doanh nghiệp.
- Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về lĩnh vực tài chính kế toán của Công ty.
Xây dựng kế hoạch tài chính, kế hoạch khấu hao tài sản cố định, kế hoạch thu chi bằng tiền.
- Tham gia cùng các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ khác trong Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, kế hoạch quỹ lương,... Chủ động tính toán việc thực hiện nộp nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, kết hợp với các phòng ban trong Công ty tính toán các khoản trích nộp BHXH + BHYT + BHTN, kinh phí công đoàn theo quy định của luật doanh nghiệp hiện hành.
- Thực hiện việc chi trả tiền lương, tiền công lao động cho người lao động đúng chế độ Nhà nước, qui chế của Công ty và thanh toán đúng thời gian, kỳ hạn.
- Tổ chức toàn bộ công tác kế toán phù hợp với đặc điểm tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty và các qui định của luật pháp bao gồm :

- + Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán, tổ chức việc ghi chép ban đầu đảm bảo mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh phản ánh trong kế toán phải khách quan đúng thực tế, được ghi chép đầy đủ theo đối tượng và nội dung công việc kế toán theo chuẩn mực và chế độ kế toán qui định hiện hành.
- + Tổ chức áp dụng hệ thống tài khoản kế toán theo qui định. Xác định, lựa chọn áp dụng hình thức kế toán, tài khoản kế toán và phương pháp kế toán phù hợp với đặc điểm loại hình của doanh nghiệp.
- + Tổ chức lựa chọn các sổ kế toán chi tiết và hệ thống sổ kế toán phù hợp với hình thức kế toán Công ty áp dụng.
- + Lựa chọn hình thức tổ chức công tác kế toán chi tiết và tổ chức bộ máy kế toán phù hợp tình hình, đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.
- + Tổ chức trang bị và ứng dụng kỹ thuật tính toán và thông tin hiện đại trong công tác kế toán.
- + Tổ chức hạch toán chính xác, kịp thời, có hệ thống số hiện có, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, lao động, vật tư, tiền vốn, tính toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm hàng hoá, các khoản thanh toán với ngân sách và các khoản thanh toán khác của doanh nghiệp theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán qui định.
- + Tổ chức hạch toán xác định chính xác hiệu quả sản xuất kinh doanh, kết quả lãi, lỗ và lợi tức của các nhà đầu tư tài chính vào Công ty.
- Thu thập tổng hợp số liệu, tài liệu về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, lập các báo cáo kế toán tài chính, thống kê và cung cấp các thông tin tài liệu tài chính kế toán cho các đơn vị, cá nhân theo luật định và điều lệ Công ty. Thực hiện phân tích hoạt động kinh tế tài chính và thông tin kinh tế trong nội bộ doanh nghiệp.
- Phối hợp với các phòng ban trong công tác thu hồi vốn, thu hồi vật tư ở các công trình hoàn thành thi công.
- Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch thu - chi tài chính, thanh toán, chế độ quản lý kinh tế - tài chính tại doanh nghiệp.
- Thực hiện công tác kiểm tra nội bộ và tư vấn cho Tổng Giám đốc và HĐQT về thuế kiểm toán độc lập khi có yêu cầu phải kiểm toán.
- Lập kế hoạch trình HĐQT và Đại hội Cổ đông các phương án trích lập quỹ, phân chia cổ tức, thực hiện kịp thời việc chi trả cổ tức cho các cổ đông theo đúng quy chế tài chính theo quyết định của HĐQT và Đại hội Cổ đông Công ty.

+ Phòng vật tư thiết bị

- Tham mưu cho lãnh đạo Công ty về quản lý, cung cấp vật tư phục vụ các công trình thi công của Công ty, tiếp cận nắm bắt thị trường, khai thác nguồn hàng, chủ động kế hoạch mua hàng khi có yêu cầu.
- Quản lý theo dõi công tác xuất, nhập khẩu hàng hoá theo quy chế của Công ty, chế độ chính sách của Nhà nước.
- Tiếp cận nắm bắt thị trường, khai thác nguồn hàng, chủ động kế hoạch mua hàng khi có yêu cầu.
- Dựa vào hợp đồng kinh tế và yêu cầu của khách hàng, phòng vật tư thiết bị lập kế hoạch tiếp nhận hoặc khai thác thị trường cung cấp nhanh, đủ, kịp thời đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng và chịu trách nhiệm về giá cả với Tổng giám đốc Công ty.
- Cấp phát vật tư theo kế hoạch dự trù đã được Tổng giám đốc duyệt, đảm bảo số lượng, chất lượng, hoá đơn chứng từ xuất, nhập phải rõ ràng, chính xác. Lập thẻ kho cập nhập theo dõi hàng ngày.
- Hàng hoá, vật tư, thiết bị, phương tiện lưu trong kho bãi được sắp xếp hợp lý, bảo quản an toàn, dễ lấy, có đánh dấu hoặc dán nhãn mác để nhận biết.
- Nếu ở kho bãi ngoài trời hoặc ở hiện trường thi công thì phải kết hợp với bảo vệ để ghi vào sổ trực giao ca.
- Những loại vật tư hoặc sản phẩm kém chất lượng phải có nhãn mác, có dấu hiệu và biển báo kèm theo biên bản tình trạng hư hỏng vật tư, sản phẩm đó.
- Mở sổ theo dõi các đơn vị thuê, mượn dụng cụ, máy móc, quyết toán vật tư để có cơ sở thanh quyết toán công trình, hạch toán giá thành, khấu hao tài sản.
- Kết hợp với các phòng ban chức năng kiểm kê đánh giá chất lượng tài sản của Công ty theo kế hoạch định kỳ.
- Tập hợp các văn bản chính sách của Đảng, Nhà nước về xuất nhập khẩu hàng hoá. Hoàn thiện các chứng từ, thủ tục, hoá đơn, thuế, vv... phục vụ việc xuất, nhập khẩu hàng hoá của Công ty. Khai thác thị trường phục vụ cho việc xuất, nhập khẩu.

+ Phòng kinh tế kỹ thuật

Tham mưu giúp Tổng Giám đốc những phần việc sau:

- Hàng tháng đôn đốc các đơn vị sản xuất báo cáo khối lượng.
- Nắm bắt nhu cầu của thị trường, bóc tiên lượng, lập dự toán, biện pháp tổ chức thi công,... lập hồ sơ dự thầu, chào giá đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả.

- Thương thảo và lập hợp đồng kinh tế với các đối tác đảm bảo quyền lợi của Công ty và tuân thủ theo pháp luật hiện hành.
- Tổ chức duyệt biện pháp thi công của các đơn vị sản xuất.
- Lập dự toán nội bộ để giao khoán cho các đơn vị sản xuất (theo quy chế khoán), đảm bảo đúng đủ giá khoán cho đơn vị sản xuất. Hàng tháng theo dõi cân đối tiền lương tại các đơn vị nhận khoán, kết hợp với các phòng ban liên quan hạch toán kinh tế các công trình để nắm bắt được hiệu quả SXKD.
- Đáp ứng kịp thời và sử dụng hiệu quả phương tiện dụng cụ xe máy thi công, có kế hoạch khắc phục sửa chữa và bảo dưỡng kịp thời dụng cụ trang thiết bị, cập nhật, theo dõi nhật trình hoạt động đầy đủ chính xác. Kết hợp với phòng Tài chính - Kế toán theo dõi sổ sách và đánh giá chất lượng tài sản một cách chính xác, thực hiện kiểm định theo luật đăng kiểm và kiểm kê định kỳ theo chế độ của Nhà Nước.
- Giám sát việc thi công tại các đơn vị, các công trình, có biện pháp cụ thể hỗ trợ các đơn vị thi công đảm bảo chất lượng, tiến độ theo yêu cầu.
- Theo dõi các đơn vị lập các biểu khối lượng hoàn thành hàng tháng và theo giai đoạn quy định trong hợp đồng. Lập hồ sơ nghiệm thu, bàn giao, thanh lý hợp đồng và quản lý lưu trữ.
- Định kỳ kiểm kê khối lượng dở dang.
- Đề xuất hội thảo về khoa học kỹ thuật, về các đề tài mới, các dự án mới và phổ biến các văn bản tổng kết kinh nghiệm ở các công trình có yêu cầu kỹ thuật phức tạp và chất lượng cao.
- Lập các biên bản sai phạm kỹ thuật, biên bản các sản phẩm không đạt chất lượng để có biện pháp cải tiến, khắc phục và phòng ngừa.
- Công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ thường xuyên được đề phòng và giám sát nhắc nhở kịp thời. Tổ chức học tập quy trình, quy phạm an toàn lao động từng bước được duy trì thường xuyên định kỳ.
- Các chế độ bảo hộ lao động (BHLĐ) được thực hiện nghiêm túc (quần, áo, mũ, kính bảo hộ, găng tay, quần áo thợ hàn...) cải thiện môi trường làm việc, lập biên bản các vụ vi phạm về an toàn và vệ sinh lao động.
- Kết hợp với Phòng tổ chức, Phòng đào tạo Tổng công ty để thực hiện việc tổ chức thi nâng bậc cho công nhân các loại thợ hàng năm.

+ Phòng kế hoạch đầu tư

Tham mưu giúp Tổng Giám đốc những phần việc sau:

- Lập kế hoạch và báo cáo các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty từng thời kỳ (quý, năm, vv...), lập các luận chứng kinh tế kỹ thuật. Lập kế hoạch đầu tư phát triển, mở rộng và đầu tư chiều sâu để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Quan hệ khai thác khách hàng để mở rộng thị trường.

+ Phòng Quản lý máy

Tham mưu giúp Tổng Giám đốc những phần việc sau:

- Tham mưu cho lãnh đạo Công ty về quản lý, cung cấp máy móc, thiết bị thi công phục vụ các công trình thi công của Công ty, tiếp cận nắm bắt thị trường, khai thác nguồn hàng, chủ động kế hoạch mua hàng khi có yêu cầu.
- Dựa vào nhu cầu của công việc, phòng lập kế hoạch thuê, mua dụng cụ, máy móc thiết bị kịp thời đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật chất lượng và chịu trách nhiệm về giá cả với Tổng Giám đốc Công ty.
- Quản lý theo dõi tài sản cố định, máy móc, dụng cụ theo quy chế của Công ty, chế độ chính sách của Nhà nước.
- Tiếp cận nắm bắt thị trường, khai thác nguồn hàng, chủ động kế hoạch mua hàng khi có yêu cầu.
- Cấp phát máy móc, thiết bị thi công theo kế hoạch dự trù đã được Tổng giám đốc duyệt, đảm bảo số lượng, chất lượng, hoá đơn chứng từ, biên bản bàn giao máy móc thiết bị, tài sản phải rõ ràng, chính xác.
- Máy móc thiết bị phải được bảo quản, sử dụng, bảo dưỡng một cách hợp lý theo quy định của công ty.
- Những loại tài sản, máy móc kém chất lượng phải có nhãn mác, có dấu hiệu và biển báo kèm theo biên bản tình trạng hư hỏng của máy móc, thiết bị đó.
- Mở sổ theo dõi các đơn vị thuê, mượn dụng cụ, máy móc, tài sản và trích khấu hao tài sản theo quy định của Bộ tài chính.
- Kết hợp với các phòng ban chức năng kiểm kê đánh giá chất lượng tài sản của Công ty theo kế hoạch định kỳ.
- Tập hợp thường xuyên các văn bản chính sách của Đảng, Nhà nước về quy chế quản lý tài sản, máy móc thiết bị.

+ Văn phòng

- Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc Công ty về công tác đối nội, đối ngoại trong phạm vi nhiệm vụ được phân công.

- Tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc về lễ nghi khánh tiết, hội nghị và các buổi họp giao ban của Công ty, tổng hợp báo cáo thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội 6 tháng, hàng năm và đại hội cổ đông.
- Quản lý con dấu, lưu trữ tài liệu công văn đi, đến, sao trích lục các văn bản tài liệu pháp qui của Nhà nước, cấp trên theo luật định.
- Văn phòng có nhiệm vụ đón tiếp khách đến làm việc tại Công ty bao gồm: Cấp trên, các Ban ngành địa phương, các bạn hàng, báo chí và báo cáo để Tổng Giám đốc bố trí làm việc.
- Có nhiệm vụ lập báo cáo tổng hợp mọi hoạt động của Công ty trình Tổng giám đốc duyệt gửi Hội đồng quản trị. Chuẩn bị tài liệu phục vụ kỳ họp HĐQT và Đại hội Cổ đông thường niên.
- Có nhiệm vụ quản lý chặt chẽ con dấu, lưu trữ đầy đủ các loại Công văn đi, đến theo đúng qui định. Thường xuyên kiểm tra nếu thấy có nghi vấn báo cáo Tổng Giám đốc kịp thời giải quyết. Ký sao các văn bản pháp qui, trích lục văn bản hướng dẫn, các tài liệu phục vụ sản xuất kinh doanh, giấy giới thiệu, công tác, khám sức khoẻ cho CBCNV, các loại công văn thuộc phạm vi liên quan theo quyền hạn của văn phòng.
- Lập kế hoạch dự trù văn phòng phẩm, các trang thiết bị khi cần thiết trình Tổng Giám đốc duyệt và mua sắm, cấp phát kịp thời toàn bộ thiết bị, văn phòng phẩm hàng tháng, quý,... phục vụ sản xuất kinh doanh và quản lý toàn bộ trang thiết bị văn phòng.
- Phân công và bố trí điều hành xe con do văn phòng quản lý phù hợp, kịp thời phục vụ chỉ đạo thi công và công tác của các phòng ban. Quản lý toàn bộ tài sản khu cơ quan Công ty.
- Công tác Y tế: Giải quyết công ốm cho cán bộ công nhân viên, liên hệ với Trung tâm y tế địa phương để khám sức khoẻ định kỳ cho CBCNV. Khám sức khoẻ trào cao cho công nhân các công trình; tham gia kiểm tra an toàn vệ sinh công nghiệp tại các công trình. Thường xuyên kiểm tra công tác vệ sinh khu cơ quan, đề xuất sửa chữa thay thế kịp thời khi các thiết bị bị hư hỏng, vệ sinh khu vực cơ quan hàng ngày.
- Chăm lo phục vụ chu đáo ăn ca cho khối văn phòng. Theo dõi việc sử dụng điện, nước sản xuất và sinh hoạt khu cơ quan và đội xe máy, các tài liệu qua Fax, điện thoại,...và làm thủ tục thanh toán các chi phí đó.

+ Các đội công trình trực thuộc gồm:

- Đội công trình Nhà máy thủy điện La La

- Đội công trình Nhà máy thủy điện IARUNG và CHUPÔNG
- Đội công trình Xây dựng toà Hangar A75
- Đội công trình Nhà máy thủy điện Đồng Nai 2
- Đội công trình Nhà máy thủy điện IAGRAI
- Đội công trình Nhà máy thủy điện Đăk Mi 4
- Đội công trình Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng
- Đội công trình Nhà máy thủy điện Tà Cọ
- Đội công trình Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn 5
- Đội công trình Nhà máy cơ khí chế tạo Tuy Hòa – Phú Yên
- Đội công trình Nhà máy thép Pomina
- Đội công trình Nhà máy gang thép Thái Nguyên
- Đội công trình Nhà máy thủy điện Sông Tranh 3
- Đội công trình Nhà máy thủy điện Sông Bung 4A
- Đội công trình Nhà máy thủy điện Sông Bung 5
- Đội công trình Nhà máy thủy điện Định Bình
- Đội công trình Nhà máy cao su Đà Nẵng
- Đội công trình khu bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Dung Quất

+ Các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: Không có
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ: Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên nắm giữ 1.785.000 cổ phần chiếm 51% vốn điều lệ.
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: Góp vốn mua cổ phần của Công ty cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn, góp 10% vốn điều lệ đương tương: 25,6 tỷ đồng, công ty đã góp tính đến ngày 31/12/2012 đã góp 25,6 tỷ đồng, đã góp đủ số vốn theo quy định.
- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty có liên quan:

*** Tổng công ty Lắp máy Việt Nam**

Công ty nắm giữ 51% vốn cổ phần của Công ty CP Lilama 45.3 là Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (nay đổi tên thành Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – Công ty TNHH Một

thành viên) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106313 cấp lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2010.

Trụ sở chính: 124 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Ngành, nghề kinh doanh chính:

- + Sản xuất kinh doanh xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành xây dựng của nhà nước, bao gồm các lĩnh vực thi công lắp đặt thiết bị máy móc
- + Tổng thầu EPC xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường giao dây trạm biến thế điện;
- + Kinh doanh phát triển nhà, tư vấn xây dựng;
- + Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;
- + Xuất nhập khẩu lao động, vật tư thiết bị, công nghệ về lắp máy và xây dựng
- + Đầu tư xây dựng các công trình bao gồm: công nghiệp (thủy điện, nhiệt điện, xi măng, hóa dầu, giấy và thép), dân dụng, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- + Kinh doanh bất động sản, du lịch lữ hành, khách sạn, nhà hàng và khu vui chơi giải trí, kinh doanh vận tải, hàng hoá, các thiết bị siêu trường, siêu trọng, cho thuê thiết bị thi công và vận tải;
- + Tư vấn xây dựng, tổng thầu toàn bộ hoặc một phần của dự án đầu tư các công trình công nghiệp, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật như: lập dự án, thiết kế (chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký) và lập tổng dự toán, tư vấn giám sát, quản lý dự án cung cấp thiết bị công nghệ và điều khiển tự động;
- + Thiết kế, chế tạo thiết bị và gia công kết cấu thép cho các công trình công nghiệp, dân dụng ;
- + Đóng mới và sửa chữa các loại tàu, thuyền , vận tải đường sông và đường biển;
- + Kiểm tra, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống điều khiển tự động, hệ thống nhiệt cho các dây chuyền công nghệ, giám sát, kiểm tra chất lượng các mối hàn và tính chất cơ lý của vật liệu;
- + Đào tạo công nhân kỹ thuật các ngành nghề để phục vụ nhu cầu sản xuất cho Tổng công ty và ngoài xã hội; đào tạo nâng cao và cấp chứng chỉ cho thợ hàn; đào tạo và thực hiện việc đưa người lao động Việt Nam (trong và ngoài Tổng công ty) đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài;

- + Dịch thuật các tiêu chuẩn và tài liệu chuyên ngành về lĩnh vực chế tạo và lắp đặt thiết bị, các dây chuyền công nghệ mới;
- + Kinh doanh, xuất khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, nguyên phụ liệu sản xuất, tiêu dùng, dây chuyền công nghệ - tự động hoá, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải, làm đại lý tiêu thụ cho các ngành trong và ngoài nước các mặt hàng phục vụ sản xuất và tiêu dùng theo quy định của pháp luật;
- + Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

• **Công ty cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn:**

- Được cấp giấy chứng nhận đăng lý kinh doanh lần đầu số 0103017658, ngày 30/05/2007 do Sở kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
- Trụ sở chính: Phòng 504, toà nhà T34, khu đô thị Trung Hoà, Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân – Thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh:

- + Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị phục vụ xây dựng.
- + Xây dựng và kinh doanh các công trình điện, xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, khu đô thị và khu công nghiệp, khu nghỉ dưỡng, khu du lịch
- + Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, bưu điện, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, cấp thoát nước, các công trình đường dây và trạm biến áp.
- + Đào tạo nghề cho công nhân vận hành nhà máy thuỷ điện, tư vấn lắp đặt thiết bị điện, tư vấn đầu tư trong và ngoài nước.
- + Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện
- + Khai thác khoáng sản và kinh doanh các mặt hàng khoáng sản (trừ các loại khoáng sản nhà nước cấm).
- + Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

5. Định hướng phát triển

Mục tiêu phát triển theo định hướng của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA), trong đó có định hướng Xây dựng và phát triển Công ty trở thành một đơn vị xây lắp chuyên ngành mạnh, có khả năng thi công trọn gói các công trình lớn ở trong nước và khu vực. Đồng thời đáp ứng mục tiêu đạt lợi nhuận tối đa, tạo công ăn việc làm cho người lao động, tăng cổ tức

cho các cổ đông, thực hiện các nghĩa vụ nộp ngân sách đối với Nhà nước, tạo sự phát triển ổn định, bền vững cho Công ty.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Sản xuất kinh doanh

- + Các năm tiếp theo các dự án thủy điện sẽ không còn. Do đó Công ty sẽ có chiến lược chuyển đổi ngành nghề cho phù hợp với ngành nghề mới, đảm bảo phát triển lâu dài bền vững cho Công ty.
- + Chủ động về vốn, tích cực tìm kiếm thị trường, nghiên cứu thế mạnh của Công ty để xây dựng thương hiệu, nâng cao khả năng cạnh tranh để nhận thêm nhiều công trình mới, phát huy mọi nguồn lực để đầu tư phát triển sản xuất, hạch toán chi phí tiết kiệm, tạo nhiều việc làm cho công nhân lao động, nâng cao thu nhập và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, tham gia thực hiện tốt các chính sách xã hội.
- + Tiếp tục thực hiện các dự án đã đầu tư: Tăng cường năng lực thiết bị thi công từ năm 2009 - 2014; xây dựng khu bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật tại Dung Quất giai đoạn 2;
- + **Tài chính:** Duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định, tích cực tìm nguồn vốn với chi phí thấp.

Công tác đời sống của CBCNV:

- + Đảm bảo đủ việc làm cho CBCNV, phân đấu mức thu nhập bình quân hàng tháng từ 4.984.000 đồng đến 5.281.000 đồng/người/tháng.
- + Duy trì chế độ khuyến khích thợ giỏi, xây dựng đơn giá tiền lương và định mức khoán đảm bảo sự công bằng xã hội và kích thích sản xuất phát triển.
- + Chăm lo sức khoẻ cho người lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ đều đặn, mua BHXH, BHYT, bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ, thăm hỏi trợ cấp khó khăn kịp thời cho CBCNV.
- + Đẩy mạnh phong trào văn hoá, văn nghệ thể thao quần chúng tạo ra cuộc sống tinh thần sôi động, xoá bỏ các tệ nạn xã hội, tích cực tham gia các phong trào với địa phương có hiệu quả.



+ Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Đảm bảo chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của môi trường làm việc theo đúng quy định của luật môi trường, đảm bảo sức khỏe cho người lao động cũng như cộng đồng xã hội. Tiếp tục có chính sách quan tâm đến những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đóng góp xây dựng Nhà tình nghĩa.

6. Các rủi ro: Không có

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1, Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

+ Kết quả sản xuất kinh doanh

Trong năm 2012 một số chỉ tiêu chưa hoàn thành kế hoạch do tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn. Công ty đã cố gắng tiết kiệm chi phí tới mức tối đa để lợi nhuận không bị ảnh hưởng, tuy nhiên chi phí lãi vay năm 2012 so với năm 2011 tăng 131 %. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 không đạt được so với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2012 như sau:

| Stt | Chỉ tiêu | Kế hoạch Năm 2012 | Thực hiện năm 2012 | Tỷ lệ % so kế hoạch | Tỷ lệ % so với năm 2011 |
|-----|-----------------------------|-------------------|--------------------|---------------------|-------------------------|
| 1 | Giá trị sản xuất kinh doanh | 470.800.000 | 476.978.842 | 101,3% | 113,4% |
| 2 | Tổng doanh thu | 224.700.000 | 238.489.422 | 106,1% | 113,4% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 10.500.000 | 1.100.802 | 10,5% | 14,2% |
| 4 | Nộp ngân sách | 13.882.000 | 3.856.922 | 27,8% | 73,7% |
| 5 | Tổng quỹ lương | 65.163.000 | 61.918.441 | 95,0% | 102,5% |
| 6 | Tiền lương BQ (người/tháng) | 4.429 | 5.281 | 119,2% | 106,0% |
| 7 | Dự kiến cổ tức (%) | 14 | 5 | 35,7% | 50,0% |

Doanh thu thuần năm 2012 đạt 238 tỷ đồng so với doanh thu thuần năm 2011 là 210 tỷ đồng tăng 28 tỷ đồng tương ứng 113,4%, lợi nhuận trước thuế đạt 1,1 tỷ đồng đạt 10,5% so với năm 2012, do năm 2012 kinh tế trong nước chịu ảnh hưởng trực tiếp của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, các ngân hàng hạn chế cho vay các dự án đầu tư, nguyên vật liệu đầu vào tăng mạnh, do đó chi phí tăng lên. Tuy doanh thu có tăng so với năm 2011, nhưng lợi nhuận giảm xuống 6,6 tỷ đồng, do lãi vay phải trả năm 2011 tăng 4,3 tỷ đồng và tăng 131% so với năm 2011, trong thời điểm khó khăn Công ty cố gắng thi công nhiều công trình trước mắt để giải quyết công ăn việc làm cho người lao động và dần từng bước vượt qua khó khăn thử thách.

a. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

➤ Thuận lợi

- + Được sự giúp đỡ tạo điều kiện thuận lợi của lãnh đạo Tổng công ty Lắp máy Việt Nam, các cơ quan chính quyền địa phương tỉnh Quảng Ngãi và các địa phương nơi công ty thi công.
- + Sự đoàn kết nhất trí cao trong ban lãnh đạo Công ty, sự quyết tâm nỗ lực khắc phục mọi khó khăn của toàn thể CBCNV, sự tin tưởng và yên tâm công tác trong công nhân lao động, sự kết hợp chặt chẽ của các tổ chức đoàn thể trong Công ty.
- + Ban lãnh đạo Công ty đã không ngừng tìm kiếm đối tác, ký kết hợp đồng có giá trị kinh tế cao.

➤ Khó khăn

- + **Địa bàn hoạt động:**

Công ty cổ phần Lilama 45.3 đóng trên địa bàn Miền Trung, điều kiện tiếp xúc với các Chủ đầu tư cũng như các dự án lớn gặp rất nhiều hạn chế, với địa bàn thi công dàn trải từ Bắc vào Nam, từ Miền Trung đến các tỉnh Tây Nguyên dẫn đến việc quản lý gặp nhiều khó khăn, đồng thời làm tăng chi phí về di chuyển CBCNV, máy móc thiết bị thi công và chi phí điều hành thi công.

+ Công tác quản trị điều hành doanh nghiệp:

Về công tác quản trị Doanh nghiệp chưa đạt kết quả cao, do đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật và CBCNV còn thiếu kinh nghiệm và tay nghề, nên khả năng đáp ứng về yêu cầu công việc còn hạn chế dẫn đến năng suất lao động thấp.

+ Công tác nghiệm thu, thanh toán các công trình

Một số dự án lớn hiện nay do Chủ đầu tư thiếu nguồn vốn dẫn đến công tác nghiệm thu và thanh toán gặp nhiều khó khăn như: Dự án Gang thép Thái Nguyên, Dự án Thủy điện Đồng Nai 2...

2. Tổ chức và nhân sự

*** Danh sách Ban điều hành**

2.1 Ban Giám đốc.

| Ông Hoàng Việt | Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc |
|---------------------------|--|
| Năm sinh: | 21/09/1973 |
| Nơi sinh: | Phường Hương Sơn, TP. Thái Nguyên |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Dân tộc: | Kinh |
| Quê quán: | Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Tây |
| Địa chỉ thường trú: | Quận Sơn Trà - Thành phố Đà Nẵng |
| Trình độ văn hoá: | 12/12 PTTH |
| Trình độ chuyên môn: | Kỹ sư cơ khí chế tạo máy |
| Quá trình công tác | |
| 03/1998 – 09/1999 | Kỹ thuật thi công Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3 |
| 09/1999 – 12/2000 | Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3 |
| 01/2001 – 04/2006 | Phó Giám đốc Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3 |
| 05/2006 – 07/2009 | Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.3 |
| 08/2009 – nay | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần LILAMA 45.3 |
| Ông Phùng Việt Sơn | Thành viên HĐQT – Phó tổng giám đốc |
| Năm sinh: | 03/03/1958 |

| | |
|----------------------|---|
| Nơi sinh: | Thu Phong, Kỳ Sơn, Hoà Bình |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Dân tộc: | Kinh |
| Quê quán: | Thạch Đà, Yên Lãng, Tỉnh Vĩnh Phúc |
| Địa chỉ thường trú: | A8/TT7, khu đô thị Văn Quán, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội. |
| Trình độ văn hoá: | 10/10 PTTH |
| Trình độ chuyên môn: | Kỹ sư thông gió – cấp nhiệt |
| Quá trình công tác | |
| 06/1984 – 10/1987 | Kỹ thuật thi công Liên hợp Lắp máy số 10 |
| 10/1987 – 05/1990 | Trưởng tiểu ban kỹ thuật liên đội ống Xí nghiệp Liên hợp Lắp máy số 10 |
| 05/1990 – 02/1992 | Trưởng tiểu ban kỹ thuật Xí nghiệp LM số 10-1 Công ty LM & Xây dựng số 10 |
| 02/1992 – 10/1995 | Cán bộ kỹ thuật Công ty Lắp máy & Xây dựng số 10 |
| 10/1995 – 05/1997 | Chỉ huy phó thi công Công ty Lắp máy & Xây dựng số 10 |
| 05/1997 – 10/2003 | Giám Đốc Xí nghiệp Lắp máy 10-1 |
| 10/2003 – 04/2006 | Phó Giám đốc Công ty Lắp máy & Xây dựng 45-3 |
| 05/2006 – T8/2010 | Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.3 |
| T09/2010 – nay | Phó tổng Giám đốc công ty kiêm Giám đốc chi nhánh Công ty tại Hà Nội. |

Ông Trần Quang Du

Phó Tổng giám đốc

| | |
|---------------------|--|
| Năm sinh: | 05/08/1970 |
| Nơi sinh: | Bệnh viện thị xã Tuyên Quang. |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Dân tộc: | Kinh |
| Quê quán: | Xã Yên Sơn - Thị xã Tuyên Quang. |
| Địa chỉ thường trú: | 15/40 đường Bà Triệu, phường Lê Hồng Phong, thành Phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. |
| Trình độ văn hoá: | 10/10 PTTH |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư cơ khí |
| Quá trình công tác | |
| 1997 – 1998 | Kỹ thuật Công ty Lắp máy & Xây dựng số 7 |
| 1998 – T09/2009 | Đội trưởng các công trình thuộc Công ty CP LILAMA 45.3 |
| T10/2009 – nay | Phó Tổng Giám đốc Công ty CP LILAMA 45.3 |

Ông Huỳnh Lê Hoà**Phó Tổng Giám đốc**

| | |
|----------------------|--|
| Năm sinh: | 20/08/1959 |
| Nơi sinh: | Đức Thọ, Hà Tĩnh |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Dân tộc: | Kinh |
| Quê quán: | Hoà Định Đông, Phú Hoà, Phú Yên |
| Địa chỉ thường trú: | 250 Nguyễn Huệ, TP. Tuy Hoà, Phú Yên |
| Trình độ văn hoá: | 10/10 PTTH |
| Trình độ chuyên môn: | Kỹ sư cơ khí chế tạo máy |
| Quá trình công tác: | |
| 1994 – 1996 | Kỹ thuật giám sát BQLDA Nhà máy xi măng Phú Yên |
| 1997 – 1998 | TP. Kinh tế - kỹ thuật Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3 |
| 1999 – 2000 | TP Kinh tế tiếp thị Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3 |
| 2002 – 2003 | TP. Kế hoạch đầu tư Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3 |
| 2004 | Phó phòng KT - KT Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3 |
| 2005 – 04/2006 | TP Kinh tế - Kỹ thuật Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3 |
| 05/2006 – 03/2010 | TP Kinh tế - Kỹ thuật Công ty cổ phần Lilama 45.3 |
| 04/2010 – nay | Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần LILAMA 45.3 |

Ông Mạc Thanh Hải**Phó Tổng giám đốc**

| | |
|---------------------|---|
| Năm sinh: | 16/06/1975 |
| Nơi sinh: | Đồng Lưu – Yên Thế - Bắc Giang |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Dân tộc: | Nùng |
| Quê quán: | Đồng Lưu – Yên Thế - Bắc Giang |
| Địa chỉ thường trú: | Lô 4K Tôn Đức Thắng – Thành Phố Quảng Ngãi |
| Trình độ văn hoá: | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư cơ khí |
| Quá trình công tác | |
| T11/1999 – 2000 | Kỹ thuật CT NM thuỷ điện Đa My Công ty LM & XD 45.3 |
| 2000 | Quản lý dự án Phòng KT-KT |
| 2001 | Phó chỉ huy trưởng CTNM đường Trà Vinh |
| 2002 | Chỉ huy trưởng NM Bông Tâm Thắng |

| | |
|---------------------|--|
| 2003, | Phó chỉ huy trưởng CT NM nhiệt điện Phú Mỹ 4 |
| T08/2003 – 2004 | Giám đốc nhà máy CK Lilama 45.3, kiêm chỉ huy trưởng CT nhà máy thuỷ sản Nha Trang |
| 2004 | Phó chỉ huy trưởng CT Nm xi măng Sông Gianh |
| T11/2005 – 2008 | Phó chỉ huy trưởng CT Nm thuỷ điện Buôn Kuốp |
| T01/2009 – T03/2010 | Chỉ huy trưởng CT Nm thuỷ điện Buôn Kuốp |
| T04/2010 – nay | Phó Tổng Giám đốc Công ty CP LILAMA 45.3 |

2.2 Kế toán trưởng.

| Ông Phạm Văn Thìn | Kế toán trưởng |
|--------------------------|--|
| Năm sinh: | 26/12/1975 |
| Nơi sinh: | Xã Tây Hiếu – Nghĩa Đàn - Nghệ An |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Dân tộc: | Kinh |
| Quê quán: | Xã Hưng Xuân – Hưng Nguyên - Nghệ An |
| Địa chỉ thường trú: | 163 An Dương Vương, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng |
| Trình độ văn hoá: | 12/12 PTTH |
| Trình độ chuyên môn: | Cử nhân Kinh tế |
| Quá trình công tác: | |
| T4/2004-T11/2004 | Nhân viên phòng TC- KT Công ty Lắp máy Và XD số 18 |
| T12/2004-T02/2008 | Nhân viên phòng TC- KT Công ty CP LILAMA 45.3 |
| T03/2008-T07/2009 | Phó phòng TC- KT Công ty CP LILAMA 45.3 |
| T08/2009 – T07/2010 | Trưởng phòng TC- KT Công ty CP LILAMA 45.3 |
| T08/2010 – nay | Kế toán trưởng Công ty CP LILAMA 45.3 |

+ Thay đổi trong Ban điều hành công ty trong năm: không có

+ Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Tổng số lao động đến 31/12/2012 là 862 người; trong đó: 13 nữ, kỹ sư và cử nhân người 124 người.
- Chính sách đối với người lao động:
 - + Về tiền lương: Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống lương theo tính chất công việc. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, áp dụng lương khoán theo khối lượng công việc hoàn thành trong tháng. Đối với cán bộ công nhân viên gián tiếp, nghiệp

vụ hưởng lương theo công việc và căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

- + Về công tác đào tạo: Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất; trong thời gian qua, Công ty đã hỗ trợ kinh phí đào tạo cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật. Trong thời gian tới, Công ty cũng sẽ tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.
- + Về chính sách khen thưởng: Để khuyến khích người lao động, Công ty có những chính sách khen thưởng xứng đáng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, bên cạnh đó công ty cũng áp dụng các quy định xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.
- + Công tác đời sống đối với CBCNV Công ty luôn quan tâm, đảm bảo cho người lao động làm việc và thu nhập đúng với kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, mức thu nhập bình quân một người/tháng đảm bảo, tiền thưởng bình quân lao động/người/năm bằng một tháng lương bình quân của năm.
- + Công ty hàng năm đều tổ chức cho CBCNV đi tham quan du lịch, nghỉ mát.
- + Trợ cấp khó khăn cho cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn thường xuyên, kịp thời, đúng đối tượng. Công ty xây dựng quỹ từ thiện, quỹ xóa đói giảm nghèo, luôn đảm bảo kinh phí để chi cho công tác này hàng năm.
- + Công tác BHXH, BHYT, Bảo hiểm tai nạn lao động Công ty luôn chấp hành đầy đủ 100% thực hiện đúng chế độ chính sách đối với người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a, Các dự án đầu tư:

- Trong cơ chế thị trường, do yêu cầu ngày càng cao về chất lượng, mỹ thuật và tiến độ nên việc đầu tư mua sắm thiết bị và nâng cao năng lực thiết bị thi công là một vấn đề hết sức quan trọng. Công ty đã lập dự án tăng cường thiết bị thi công với giá trị 16,2 tỷ đồng, đã thực hiện lũy kế đến 31/12/2012 là: 4,14 tỷ đồng, giá trị còn phải thực hiện là: 12,08 tỷ đồng. giá trị đầu tư máy móc thiết bị trong năm 2012 là : 797 triệu đồng bao gồm đầu tư 15 máy hàn TiG và MIG các loại ; 01 máy khoan từ ; 01 máy trộn bê tông, 02 máy phun vữa ; 01 máy đo Laze ; 03 xe nâng ; 04 Pălăng và một số tài sản khác...

- Dự án khu bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật LILAMA 45.3 tại Dung Quất đến nay cơ bản đã hoàn thành và đã đưa vào sử dụng, phần thiết bị và một số hạng mục còn lại sẽ được xây dựng và đầu tư khi cần thiết.

- Góp vốn Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn : Công ty đã đăng ký góp 10% (25,6 tỷ đồng) vốn điều lệ vào Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn, số tiền đã góp đến ngày 31/12/2012 là 25,6 tỷ đồng, đã góp đủ theo quy định.

b, Công ty con: Công ty đã thành lập Công ty cổ phần Lilama 45.3 chi nhánh tại Hà Nội, Công ty hạch toán phụ thuộc.

Công ty liên kết: Không có

4, Tình hình tài chính

ĐVT: 1000đồng

| Stt | Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2011 | Thực hiện năm 2012 | TH 2012/2011 (%) |
|-----|----------------------------|--------------------|--------------------|------------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 307.898.761.504 | 318.662.959.652 | 103,5% |
| 2 | Doanh thu thuần | 210.308.836.590 | 238.489.422.875 | 113,4% |
| 3 | Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh | 6.536.748.471 | 965.783.083 | 14,8% |
| 4 | Lợi Nhuận khác | 1.223.962.131 | 135.019.378 | 11,0% |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 7.760.710.602 | 1.100.802.461 | 14,2% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 6.949.397.207 | 790.840.126 | 11,4% |
| 7 | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 10% | 5% | |

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Stt | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2012 | Năm 2011 |
|----------|---------------------------------------|-------------|----------|----------|
| 1 | Cơ cấu tài sản | % | | |
| | - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | | 17,37 | 18,4 |
| | - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | | 82,63 | 81,6 |
| 2 | Cơ cấu nguồn vốn | % | | |
| | - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | | 76,28 | 74,52 |
| | - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | | 23,72 | 25,48 |
| 3 | Khả năng thanh toán | Lần | | |
| | - Khả năng thanh toán nhanh | | 0,012 | 0,01 |
| | - Khả năng thanh toán ngắn hạn | | 1,08 | 1,10 |
| 4 | Khả năng sinh lời | % | | |

| | | |
|---|------|-------|
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 0,25 | 2,26 |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,33 | 3,3 |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu | 1,05 | 8,86 |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ | 2,26 | 19,86 |

- Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh.

Hệ số thanh toán ngắn hạn tại ngày 31/12/2012 là 1,08 lớn hơn 1, chứng tỏ tình hình tài chính là an toàn, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn, tuy nhiên hệ số thanh toán nhanh tương đối thấp do đặc thù của ngành xây lắp giá trị sản phẩm dở dang chiếm tỷ trọng lớn trong hàng tồn kho chủ yếu là các công trình xây dựng, lắp đặt chưa quyết toán.

Cơ cấu nguồn vốn: năm 2012 so với cùng kỳ năm 2011, cấu trúc vốn của Công ty đã sử dụng đòn bẩy tài chính cao từ 74,57% lên 76,3%, đó là hệ quả của việc tăng tỷ lệ nợ, cụ thể là nợ ngắn hạn, Công ty sẽ tiếp tục tăng cường các biện pháp thu hồi công nợ.

Tài sản tăng chủ yếu được đầu tư bằng nguồn vốn chủ sở hữu sẽ đảm bảo tình hình tài chính ngày càng ổn định.

Nguồn vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn tăng qua các năm do lợi nhuận hàng năm được công ty trích bổ sung quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2012 giảm nhiều so với năm 2011; hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần đạt 0,33%, hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu đạt 1,03%, hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ đạt 2,26%.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2012 là:

Tại thời điểm 31/12/2012 (Mệnh giá 10.000 đồng / Cổ phần)

$$\frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}} = \frac{75.573.265.491}{3.500.000} =$$

Giá trị sổ sách = 21.592 đồng (đồng/CP)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a, Cổ phần : Mã chứng khoán L43

- Tổng số lượng cổ phần : 3.500.000 cổ phiếu phổ thông.
- Cổ phần đang lưu hành: 3.500.000 cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu quỹ: không có

- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 3.500.000 cổ phiếu
- Số lượng hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu

b, Cơ cấu cổ đông

Tình hình cơ cấu cổ đông: Theo số liệu sổ cổ đông chốt ngày 07/11/2012 như sau:

| TT | Danh mục | SL Cổ phiếu | Tỷ lệ % | Số lượng cổ đông | Cơ cấu cổ đông | |
|-------------------------------|--|------------------|-------------|------------------|------------------|------------------|
| Tổng số lượng cổ phiếu | | 3.500.000 | 100% | 339 | Tổ chức | Cá nhân |
| 1 | Cổ đông sở hữu từ 5% CP trở lên | 1.785.000 | | 1 | 1.785.000 | 0 |
| | - Trong nước | 1.785.000 | 51% | 1 | 1.785.000 | |
| | - Ngoài nước | | | | | |
| 2 | Cổ đông khác | 1.715.000 | 49% | 338 | 213.500 | 1.501.500 |
| | - Trong nước | 1.714.400 | 48,98% | 336 | 213.500 | 1.500.900 |
| | - Ngoài nước | 600 | 0,017% | 2 | | 600 |

c, Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

d, Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e, Các chứng khoán khác: Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Giám đốc

+ Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Trước những khó khăn về việc làm, về cạnh tranh thị trường, nhằm đảm bảo công tác báo giá, đấu thầu đạt hiệu quả cao. Những tiến bộ Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã đạt được như sau:

- Hoàn thiện quy chế quản lý Doanh nghiệp, quản lý thi công, quản lý nhân lực, quản lý kinh tế trong Công ty.

- Tổ chức thi công các công trình trọng điểm đi vào chuyên nghiệp như: Nhà máy Gang thép Thái Nguyên, Xây dựng tòa nhà Hangar A75, Dự án SX lốp xe tải – Nhà máy cao su Đà Nẵng.

- Tăng cường công tác tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Chỉ đạo các phòng ban chức năng thực hiện nghiêm túc và triệt để quan điểm của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc với tiêu chí : Không phân biệt dự án lớn hay nhỏ, không quản dự án gần hay xa, không so sánh lợi nhuận nhiều hay ít miễn là trúng thầu và có lợi nhuận.

- Tìm hiểu, nắm bắt kỹ lưỡng các thông tin giá cả trên thị trường, các thông tin về đối thủ cạnh tranh để đưa ra các giải pháp tối ưu nhất trong báo giá đấu thầu.

- Do vậy trong năm 2012, ngoài những hợp đồng đã ký kết từ những năm trước đang được triển khai thi công. Công ty đã ký thêm được một số hợp đồng với giá trị : 234 tỷ đồng, cụ thể như sau :

+ Lắp đặt thiết bị, đường ống công nghệ, điện động lực chiếu sáng, chống sét nhà máy sản xuất lốp Radial công suất 600.000 lốp/năm, giá trị hợp đồng kinh tế : 117,2 tỷ đồng.

+ Cung cấp TBCKTC đập tràn, cửa nhận nước, hạ lưu nhà máy - Nhà máy thủy điện Hòa Phú : 57,9 tỷ đồng.

+ Cung cấp LDHT thông gió điều hoà không khí, TĐT BCKTC và đường ống – Nhà máy thủy điện Trung Sơn : 52,7 tỷ đồng.

+ Các dự án khác nhỏ hơn 10 tỷ đồng : 6,6 tỷ đồng.

2, Tình hình tài chính

a, Tình hình tài sản : Trong năm 2012, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi số tiền 5,2 tỷ đồng, tỷ lệ nợ phải thu xấu chiếm 5,2 tỷ đ/103 tỷ đ đạt 5,1%. Cũng ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

b, Tình hình nợ phải trả : Không có nợ phải trả xấu, không xảy ra biến động lớn về các khoản nợ.

3, Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

+ Thực hiện cải tiến cơ cấu tổ chức: Bổ nhiệm một số vị trí chủ chốt, đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ sư, cử nhân trẻ, năng động sáng tạo trong điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh tốt. Phát huy quyền tự chủ của các đơn vị và cán bộ công nhân viên.

- + Kiện toàn các đội sản xuất, chuyển từ cơ chế điều hành tập trung sang cơ chế đội nhận khoán, qua đó tính chủ động, tinh thần trách nhiệm của các cá nhân và hiệu quả SXKD được nâng lên rõ rệt.
- + Kịp thời điều chỉnh tiền lương cho CBCNV theo mức lương tối thiểu mới do nhà nước quy định, tăng mức ăn ca, thu nhập, tạo cho người lao động tâm lý yên tâm, gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.
- + Cơ cấu, cân đối lại vốn và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính.
- Các biện pháp kiểm soát.
- + Thực hiện cơ chế khoán song song với chế độ giám sát chặt chẽ của các Phó Tổng giám đốc phụ trách và các phòng nghiệp vụ liên quan.
- + Các Phó Tổng giám đốc chỉ đạo trực tiếp đội công trình thi công và giải quyết các công việc phát sinh liên quan trực tiếp đến thi công.
- + Phòng Tổ chức lao động giám sát quá trình sử dụng nhân lực và thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động (việc làm, thu nhập, tiền thưởng, chế độ nghỉ, trang bị BHLĐ...)
- + Phòng Kinh tế - Kỹ thuật phối hợp với phòng Tài chính kế toán lập dự toán thi công, dự toán giao khoán, giám sát quy trình thi công, sử dụng nguyên vật liệu đầu vào, hướng dẫn lập hồ sơ kỹ thuật, nghiệm thu và thanh quyết toán công trình.
- + Phòng Quản lý máy giám sát quá trình sử dụng xe, cầu, máy móc thiết bị thi công đảm bảo tiết kiệm chi phí và an toàn.
- + Phòng vật tư giám sát giá mua vật tư của các đội công trình, những vật tư có giá trị lớn phải đứng ra làm thủ tục mua

Phòng tài chính kế toán phối hợp với phòng kinh tế kỹ thuật lập dự toán giao khoán, kiểm soát quá trình ứng và thanh quyết toán các dự toán giao khoán, hướng dẫn tập hợp chi phí, hoá đơn chứng từ theo luật định.

4, Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp nhằm quản lý một cách toàn diện và đồng bộ sản xuất, kinh doanh và đầu tư.
- Cải tiến máy móc, phương tiện thi công, ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào thi công nhằm đáp ứng các yêu cầu về năng lực sản xuất, tăng năng suất lao động, giảm chi phí đầu vào hạ giá thành sản phẩm góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt hiện nay.

- Cơ cấu lại nguồn vốn cho sản xuất và đầu tư, sử dụng linh hoạt các nguồn tiền và vốn của Công ty đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng các dự án.
- Xây dựng chiến lược phát triển nhân tố lao động của Công ty thông qua các chương trình đào tạo dài hạn, ngắn hạn. Đồng thời đề ra các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện về vật chất, môi trường làm việc tốt cho CBCNV,...
- **Chiến lược phát triển 05 năm từ năm 2013 đến năm 2016**
 - Giá trị sản xuất tăng trưởng từ 10% -12%, đạt 470,8 tỷ đồng đến 695 tỷ đồng
 - Doanh thu tăng từ 10% -12% , đạt 238,4 tỷ đồng đến 347,8 tỷ đồng.
 - Lợi nhuận tăng từ 10% -12%, đạt 3,7 tỷ đồng đến 4,6 tỷ đồng.
 - Tiếp tục giữ vững vị thế là Doanh nghiệp đầu ngành của Việt Nam trong công tác lắp máy (Chế tạo và lắp đặt thiết bị cho các nhà máy thủy điện, nhà máy lọc dầu, nhà máy nhiệt điện và các công trình công nghiệp, dân dụng khác....)
- **Nhận định chung trong năm 2013**
 - Kinh tế thế giới đang đứng trước bờ vực suy thoái mạnh trong năm 2012 và 2013, tốc độ tăng trưởng ở những nước phát triển là chậm và ở mức thấp.
 - Thế giới lại tiếp tục chứng kiến cuộc khủng hoảng nợ công của khối đồng tiền chung Châu Âu, tài chính bấp bênh, tỷ lệ thất nghiệp cao.
 - Việc hội nhập quốc tế đã nảy sinh ra những vấn đề về cạnh tranh, ngày càng xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh cùng ngành nghề với Lilama, các đối thủ đó đều mạnh về tài chính, trình độ quản lý, trình độ khoa học công nghệ, nguồn nhân lực và đơn giá nhân công.
 - Các tập đoàn, Tổng công ty trong nước như : EVN, PVN, Petro ngày càng mở rộng sang lĩnh vực gia công, chế tạo thiết bị chuyên ngành, điều đó dẫn đến thị phần của Lilama đang dần thu hẹp.
 - Chính sách thắt chặt tiền tệ của Chính phủ vẫn duy trì, lãi suất ngân hàng vẫn ở mức cao.
 - Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam sẽ không nhiều, đầu tư công trong nước sẽ bị cắt giảm đáng kể.
 - Giá các mặt hàng thiết yếu như : Điện, xăng dầu sẽ tiếp tục tăng.
 - Một số khách hàng gần đây cũng gặp khó khăn về tài chính, việc thu hồi vốn sẽ bị ảnh hưởng.

Do đó Hội đồng quản trị Công ty cần thực hiện mạnh hơn các biện pháp để hoàn thành kế hoạch năm 2013 :

- Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra giám sát việc điều hành của Tổng Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước cũng như các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Thực hiện tốt công tác quản lý các mặt của Công ty để trên cơ sở đó điều hành các mặt sản xuất kinh doanh sát với tình hình thực tế.
- Trong năm 2013 công ty sẽ phấn đấu hoàn thành kế hoạch kinh doanh như sau:

| Stt | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2013 | Ghi chú |
|-----|-----------------------------|-------------|-------------------|---------|
| 1 | Giá trị sản xuất kinh doanh | 1000 đồng | 495.000.000 | |
| 2 | Tổng doanh thu | 1000 đồng | 247.500.000 | |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 1000 đồng | 3.700.000 | |
| 4 | Tổng quỹ lương | 1000 đồng | 71.775.000 | |
| 5 | Tiền lương BQ (người/tháng) | 1000 đồng | 5.293 | |
| 6 | Dự kiến cổ tức | % | 8% | |

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có ý kiến.

IV - ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần LILAMA45.3, HĐQT đã xây dựng kế hoạch công tác, chương trình làm việc cụ thể, hoạch định chiến lược phát triển Công ty theo từng giai đoạn. Trong năm 2012, HĐQT đã họp 07 phiên vào từng quý và bất thường, các phiên họp có sự tham gia của Ban kiểm soát, một số phiên họp mở rộng có sự tham gia của ban Tổng giám đốc, các Trưởng phòng ban và các chỉ huy trưởng công trình.

Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2012.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2012.

Hội đồng quản trị công ty cũng đã xem xét sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trình trong Đại hội cổ đông thường niên năm 2012.

Trên cơ sở phương hướng nhiệm vụ năm 2012 đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 thông qua, Hội đồng quản trị đã phê duyệt kế hoạch kinh doanh từng quý, đồng

thời kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và có chỉ đạo cụ thể nhằm hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2012.

Soạn thảo và ban hành các quy chế, quy định nội bộ để quản lý Công ty

Xây dựng và duy trì hệ thống chất lượng ISO 9001-2008.

Nhằm đáp ứng những thay đổi về bộ máy tổ chức quản lý và tăng cường năng lực lãnh đạo công ty và chi nhánh, Hội đồng quản trị công ty đã quyết định:

- Miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát
- Bổ nhiệm chức danh thành viên HĐQT.
- Giao nhiệm vụ thư ký HĐQT.

Duyệt phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012.

Phê duyệt phương án chi trả cổ tức năm 2011 (10%)

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý khác nhằm bảo đảm cho hoạt động SXKD của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng pháp luật, triển khai theo đúng Nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT, luôn chú trọng công tác rủi ro, kịp thời phát hiện và khắc phục các điểm yếu, tạo đà phát triển bền vững, đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để các cổ đông, các nhà đầu tư và các cơ quan chức năng thực hiện tốt được vai trò giám sát, thanh tra kiểm tra hoạt động SXKD của Công ty, đảm bảo cân đối hài hòa cho lợi ích của Cổ đông, đối tác và bạn hàng cũng như quyền lợi của Người lao động.

Bên cạnh những mặt đã đạt được, hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 vẫn còn những hạn chế và tồn tại chưa khắc phục được như : Chỉ tiêu lợi nhuận và cổ tức chưa đạt so với kế hoạch, chưa thu hồi được công nợ của công trình Nhà máy thủy điện Đrâyh' Linh 3 với giá trị là: 5,2 tỷ đồng, khoản này Công ty đã phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và đã có đơn khởi kiện gửi Tòa án tỉnh Đắk Lắk từ cuối năm 2011 yêu cầu Công ty TNHH Hưng Phúc thanh toán khoản nợ trên.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc thuận lợi, phát huy tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên.

- Tiếp tục kiện toàn hệ thống quy chế quản lý nội bộ và triển khai thực hiện nhất quán tại các đơn vị, công trình trực thuộc;

- Tăng cường công tác tiếp thị, tìm kiếm việc làm, mở rộng thị trường.

- Công ty sẽ phối hợp và hỗ trợ tối đa để các thành viên trong HĐQT và Ban kiểm soát hoàn thành tốt công việc theo quy định của pháp luật và theo quy điều lệ của công ty;

- Cử thành viên HĐQT, BKS, Ban giám đốc và một số vị trí chủ chốt khác trong công ty tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng trình độ quản trị doanh nghiệp.

V - QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

- a. Hội đồng quản trị công ty có 05 thành viên trong đó có 02 thành viên độc lập không điều hành.

Tóm tắt lý lịch của các thành viên HĐQT

| Ông Hoàng Việt | Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc |
|---------------------------|--|
| Năm sinh: | 21/09/1973 |
| Nơi sinh: | Phường Hương Sơn, TP. Thái Nguyên |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Dân tộc: | Kinh |
| Quê quán: | Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Tây |
| Địa chỉ thường trú: | Quận Sơn Trà – thành phố Đà Nẵng. |
| Trình độ văn hoá: | 12/12 PTTH |
| Trình độ chuyên môn: | Kỹ sư cơ khí chế tạo máy |
| Quá trình công tác | |
| 03/1998 – 09/1999 | Kỹ thuật thi công Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3 |
| 09/1999 – 12/2000 | Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3 |
| 01/2001 – 04/2006 | Phó Giám đốc Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3 |
| 05/2006 – 07/2009 | Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.3 |
| 08/2009 – nay | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần LILAMA 45.3 |
| Ông Phùng Viết Sơn | Thành viên HĐQT – Phó tổng giám đốc |
| Năm sinh: | 03/03/1958 |
| Nơi sinh: | Thu Phong, Kỳ Sơn, Hoà Bình |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Dân tộc: | Kinh |
| Quê quán: | Thạch Đà, Yên Lãng, Tỉnh Vĩnh Phúc |
| Địa chỉ thường trú: | Lô 4K, Tôn Đức Thắng, Quảng Ngãi |
| Trình độ văn hoá: | 10/10 PTTH |
| Trình độ chuyên môn: | Kỹ sư thông gió – cấp nhiệt |

| | |
|--------------------|---|
| Quá trình công tác | |
| 06/1984 – 10/1987 | Kỹ thuật thi công Liên hợp Lắp máy số 10 |
| 10/1987 – 05/1990 | Trưởng tiểu ban kỹ thuật liên đội ống Xí nghiệp Liên hợp Lắp máy số 10 |
| 05/1990 – 02/1992 | Trưởng tiểu ban kỹ thuật Xí nghiệp LM số 10-1 Công ty LM & Xây dựng số 10 |
| 02/1992 – 10/1995 | Cán bộ kỹ thuật Công ty Lắp máy & Xây dựng số 10 |
| 10/1995 – 05/1997 | Chỉ huy phó thi công Công ty Lắp máy & Xây dựng số 10 |
| 05/1997 – 10/2003 | Giám Đốc Xí nghiệp Lắp máy 10-1 |
| 10/2003 – 04/2006 | Phó Giám đốc Công ty Lắp máy & Xây dựng 45-3 |
| 05/2006 – 08/2010 | Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.3 |
| 09/2010 – nay | Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Công ty tại Hà Nội. |

Ông Phạm Văn Thìn

Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng

| | |
|----------------------|--|
| Năm sinh: | 26/12/1975 |
| Nơi sinh: | Xã Tây Hiếu – Nghĩa Đàn - Nghệ An |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Dân tộc: | Kinh |
| Quê quán: | Xã Hưng Xuân – Hưng Nguyên - Nghệ An |
| Địa chỉ thường trú: | 163 An Dương Vương - Quận Ngũ Hành Sơn – thành phố Đà Nẵng |
| Trình độ văn hoá: | 12/12 PTTH |
| Trình độ chuyên môn: | Cử nhân Kinh tế |
| Quá trình công tác: | |
| T4/2004-T11/2004 | Nhân viên phòng TC- KT Công ty Lắp máy Và XD số 18 |
| T12/2004-T02/2008 | Nhân viên phòng TC- KT Công ty CP LILAMA 45.3 |
| T03/2008-T07/2009 | Phó phòng TC- KT Công ty CP LILAMA 45.3 |
| T08/2009 – T07/2010 | Trưởng phòng TC- KT Công ty CP LILAMA 45.3 |
| T08/2010 – nay | Kế toán trưởng Công ty cổ phần LILAMA 45.3 |

Ông Bùi Quốc Vương

Thành viên HĐQT - Trưởng phòng tổ chức LĐ (bổ nhiệm ngày 12/12/2012)

| | |
|------------|---|
| Năm sinh: | 04/02/1974 |
| Nơi sinh: | Thái Nguyên |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Dân tộc: | Kinh |
| Quê quán: | Tổ 7 phường Tân Lập – Thành phố Thái Nguyên |

| | |
|----------------------|---|
| Địa chỉ thường trú: | Lô 4K Tôn Đức Thắng – TP Quảng Ngãi |
| Trình độ văn hoá: | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn: | Kỹ sư điện |
| Quá trình công tác: | |
| T08/1996 – 1998 | Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.1 |
| 1999-2000 | Kỹ sư giám sát - biệt phái cho Tcty LILAMA tại CT NM xi măng Nghi Sơn – Thanh Hoá |
| 2000-2002 | Kỹ sư giám sát tại Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ I |
| 2002-2003 | Trưởng phòng tổ chức hành chính Ban Quản lý LILAMA tại Dung Quất |
| 2003-2006 | Chỉ huy trưởng tại Công trình NM xi măng Sông Gianh Quảng Bình thuộc Cty Lắp máy và XD số 7 |
| 2006- T09/2009 | Trưởng phòng TC-HC Ban QL dự án LILAMA NM lọc dầu Dung Quất |
| T10/2009-T05/2010 | Phó phòng tổ chức LĐ Cty Cổ phần LILAMA 45.3 |
| T06/2010 – nay | Trưởng phòng Tổ chức LĐ Công ty CP LILAMA 45.3 |

Ông Nguyễn Anh Bắc

Thành viên HĐQT

| | |
|----------------------|---|
| Năm sinh: | 05/09/1968 |
| Nơi sinh: | Xã Túc Duyên – TP Thái Nguyên |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Dân tộc: | Kinh |
| Quê quán: | Phú Minh – Sóc Sơn – Hà Nội |
| Địa chỉ thường trú: | 33 Ngô Nhân Tịnh, phường Hoà An, quận Cẩm Lệ - Thành Phố Đà Nẵng. |
| Trình độ văn hoá: | 10/10 |
| Trình độ chuyên môn: | Kỹ sư cơ khí |
| Quá trình công tác: | |
| 1996 – nay | Đội trưởng các công trình thuộc Công ty Cổ Phần LILAMA 45.3 |

Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT (Phân sở hữu cá nhân)

| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Số cổ phần sở hữu tại ngày niêm yết (11/06/2008) | | Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2012 | |
|-----|----------------|-----------------|--|-----------|---------------------------------------|-----------|
| | | | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Hoàng Việt | Thành viên HĐQT | 15.000 | 0,43 | 15.000 | 0,43 |
| 2 | Phùng Viết Sơn | Thành viên HĐQT | 40.000 | 1,14 | 30.100 | 0,86 |
| 3 | Phạm Văn Thìn | Thành viên HĐQT | 10.000 | 0,28 | 10.000 | 0,28 |
| 4 | Bùi Quốc Vương | Thành viên HĐQT | | | | |
| 5 | Nguyễn Anh Bắc | Thành viên HĐQT | 10.000 | 0,28 | | |

b, Các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

c, Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2012 Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động SXKD của Công ty. Kiểm tra giám sát về việc thực hiện các chế độ chính sách của Nhà Nước, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các quy định, điều hành của Tổng Giám đốc trong hoạt động SXKD. Bằng các Nghị quyết và quyết định của mình, HĐQT đã đưa ra định hướng đúng đắn, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo thực hiện hoạt động SXKD.

| TT | Số nghị quyết/ QĐ | Ngày | Nội dung |
|----|-------------------|------------|--|
| 1 | 02/2012/NQ-HĐQT | 07/01/2012 | - Thông báo kết quả SXKD, đầu tư năm 2011 và thông qua kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2012. - Thông qua công tác tổ chức và bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ. |

| | | | |
|---|-----------------|------------|---|
| 2 | 04/2012/NQ-HĐQT | 27/03/2012 | - Thông báo kết quả SXKD, đầu tư năm 2011 và thông qua kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2012 |
| | | | - Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2011 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 |
| | | | - Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 |
| | | | - Thông qua việc trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi trong Quý I và Quý II năm 2012. |
| 3 | 06/2012/NQ-HĐQT | 20/04/2012 | Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 |
| 4 | 10/2012/NQ-HĐQT | 25/05/2012 | - Thông qua báo cáo kết quả SXKD, đầu tư Quý I/2012 |
| | | | - Thông qua kế hoạch SXKD, đầu tư Quý II/2012 |
| | | | - Thông qua tình hình thu hồi công nợ các công trình đã và đang thi công |
| | | | - Thông qua công tác quản trị doanh nghiệp |
| | | | - Thông qua công tác tổ chức cán bộ: bổ nhiệm Ông Hoàng Văn Tuyển giữ chức vụ Phó Giám đốc chi nhánh Công ty tại Hà Nội. |
| 5 | 11/2012/NQ-HĐQT | 18/06/2012 | - Thông qua dự kiến kết quả SXKD, đầu tư Quý II/2012 |
| | | | - Thông qua tình hình thu hồi công nợ các công trình đã và đang thi công |
| | | | - Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2012 |
| 6 | 14/2012/NQ-HĐQT | 17/09/2012 | - Thông qua dự kiến kết quả SXKD, đầu tư Quý 03 năm 2012. |
| | | | - Thông qua công tác tổ chức và bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ: Giải thể phòng Kế hoạch Đầu tư, sáp nhập nhân sự, tài sản, chức năng nhiệm vụ vào Phòng Kinh tế - Kỹ thuật; Miễn nhiệm Ông Huỳnh Văn Ba thôi đảm nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị Công ty. |
| 7 | 17/2012/NQ-HĐQT | 10/12/2012 | - Thông qua dự kiến kết quả SXKD, đầu tư quý IV năm 2012. |
| | | | - Thông qua việc gia hạn thời gian trả cổ tức năm 2011. |
| | | | |

| | | | |
|---|-----------------|------------|--|
| 8 | 19/2012/NQ-HĐQT | 12/12/2012 | - Thông qua tình hình thu hồi công nợ các công trình đã và đang thi công. |
| | | | - Thông qua công tác tài chính |
| | | | - Thông qua công tác cán bộ; Miễn nhiệm Ông Bùi Quốc Vương thành viên Ban Kiểm soát để nhận nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị Công ty. |
| | | | - Giao nhiệm vụ Thư ký Hội đồng quản trị cho Bà Phạm Thị Bích Hà – Phó phòng Tài chính - kế toán. |
| | | | |

d, Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:

- Tham dự đầy đủ các phiên họp HĐQT, cùng xem xét nghiên cứu và đưa ra ý kiến đóng góp cho Nghị quyết của HĐQT.
- Thường xuyên cùng ban kiểm soát công ty kiểm tra hoạt động tài chính và các hoạt động khác của công ty.
- Có ý kiến kịp thời với Ban giám đốc và HĐQT khi nhận thấy có những quyết sách chưa hợp lý.

c, Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT:

Hội đồng quản trị công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc mà phân công cho các uỷ viên HĐQT phụ trách từng lĩnh vực và tham gia trực tiếp vào các Hội đồng của công ty như: Hội đồng lương, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng bảo hộ lao động, Hội đồng giao khoán

f, Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

| TT | Họ và tên | Chức vụ |
|----|----------------|----------------------------------|
| 1 | Hoàng Việt | Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc |
| 2 | Phùng Viết Sơn | Thành viên HĐQT – Phó tổng GD |
| 3 | Phạm văn Thìn | Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng |
| 4 | Bùi Quốc Vương | Thành viên HĐQT – TP Tổ chức LĐ |

2. Ban kiểm soát

a, Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

+ Ông: Nguyễn Mạnh Hưởng Trưởng ban kiểm soát

+ Ông: Phạm Xuân Đồng Thành viên ban kiểm soát

Trong năm 2012 đã miễn nhiệm Ông Bùi Quốc Vương – thành viên Ban kiểm soát và bổ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị thay thế cho Ông Huỳnh Văn Ba.

Tóm tắt lý lịch của các thành viên Ban kiểm soát

| Ông Nguyễn Mạnh Hưởng | Trưởng ban kiểm soát |
|------------------------------|---|
| Năm sinh: | 1982 |
| Nơi sinh: | Huyện Lâm Thao, Phú Thọ |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Dân tộc: | Kinh |
| Quê quán: | Trường Thịnh, Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ |
| Địa chỉ thường trú: | Khu 10, Thị trấn Hùng Sơn, Lâm Thao, Phú Thọ |
| Trình độ văn hoá: | 12/12 PTTH |
| Trình độ chuyên môn: | Cử nhân kinh tế |
| Quá trình công tác: | |
| 2004 – nay | Nhân viên Phòng Tài chính - Kế toán Tổng công ty Lắp máy Việt Nam |

| Ông Phạm Xuân Đồng | Thành viên ban kiểm soát |
|---------------------------|---|
| Năm sinh: | 1959 |
| Nơi sinh: | Hà Nam |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Dân tộc: | Kinh |
| Quê quán: | Xã Liêm Túc - huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam |
| Địa chỉ thường trú: | Tổ 10 phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi |
| Trình độ văn hoá: | 10/10 |
| Trình độ chuyên môn: | Cử nhân kinh tế lao động |
| Quá trình công tác: | |
| 1980-1982 | Là CN hàn làm tại Nhà máy xi măng Bim Sơn thuộc xí nghiệp lắp máy số 1 Hà Nội |
| 1982 - 1984 | Làm tại nhà máy nhiệt điện Phả Lại |

| | |
|-------------|---|
| 1985 – 1988 | Dạy thực hành hàn Công trình thủy điện Sông Đà |
| 1988 - 1992 | Học Đại Học Công Đoàn ngành kinh tế lao động |
| 1993 - 1995 | Làm tại phòng tổ chức lao động XN lắp máy và XD 45-3 lắp đặt trạm 500PleiKu |
| 1995 - nay | Chủ tịch Công Đoàn Công ty cổ phần LILAMA 45.3 |

b, Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát công ty họp định kỳ cùng với các kỳ họp HĐQT. Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong điều lệ của công ty: giám sát, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực về báo cáo hoạt động của Công ty, nhằm đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư.

Hàng năm Ban kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.

c, Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên BKS (Phần sở hữu cá nhân)

| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Số cổ phần sở hữu tại ngày niêm yết (11/06/2008) | | Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2012 | |
|-----|-------------------|----------------|--|-----------|---------------------------------------|-----------|
| | | | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Nguyễn Mạnh Hưởng | Trưởng BKS | 0 | | 0 | |
| 2 | Phạm Xuân Đồng | Thành viên BKS | 9.600 | 0,27 | 0 | |

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a, Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT, Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát:

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Thành tiền |
|----|-------------------|---|----------------------|
| 1 | Hoàng Việt | Chủ tịch HĐQT – kiêm Tổng GĐ | 226.623.266 |
| 2 | Phùng Việt Sơn | Thành viên HĐQT – Phó tổng GĐ | 153.154.839 |
| 3 | Huỳnh Lê Hòa | Phó tổng GĐ | 130.999.741 |
| 4 | Trần Quang Du | Phó tổng GĐ | 130.999.741 |
| 5 | Mạc Thanh Hải | Phó tổng GĐ | 129.283.074 |
| 6 | Phạm Văn Thìn | Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng | 152.290.314 |
| 7 | Bùi Quốc Vương | Thành viên HĐQT – TP tổ chức LĐ (bổ nhiệm ngày 12/12/2012) | 110.475.867 |
| 8 | Huỳnh Văn Ba | Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 17/09/2012) | 59.332.784 |
| 9 | Nguyễn Anh Bắc | Thành viên HĐQT | 62.470.246 |
| 10 | Nguyễn Mạnh Hưởng | Trưởng Ban kiểm soát | 23.440.000 |
| 11 | Phạm Xuân Đồng | Thành viên Ban kiểm soát | 120.674.006 |
| 12 | Phạm Thị Bích Hà | Thư ký HĐQT | 88.455.468 |
| | Tổng cộng | | 1.155.629.872 |

b, Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát : Năm 2012 Ông Huỳnh Văn Ba xin thôi chức danh thành viên HĐQT do vậy số lượng cổ phiếu trong Hội đồng quản trị đã giảm xuống 11.200CP

c, Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

VI- BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1, Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150) | 100 | | 263.301.178.874 | 251.246.565.558 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 3.000.516.676 | 2.326.331.787 |
| 1. Tiền | 111 | | 3.000.516.676 | 2.326.331.787 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | | |
| III. Phải thu ngắn hạn | 130 | | 103.030.011.139 | 95.858.218.740 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 103.082.786.550 | 92.793.070.020 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 4.867.422.014 | 2.753.900.384 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | 4.956.583 |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | 5.2 | 374.801.867 | 306.291.753 |
| 6. Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi | 139 | 5.3 | (5.294.999.292) | |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 5.4 | 156.855.837.963 | 147.247.461.983 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 156.855.837.963 | 147.247.461.983 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 414.813.096 | 5.814.553.048 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | - | 5.372.067.452 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 5.5 | 414.813.096 | 442.485.596 |
| B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260) | 200 | | 55.361.780.778 | 56.652.195.946 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | | |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 29.183.088.209 | 32.082.249.853 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.6 | 21.202.141.763 | 24.791.407.331 |
| - Nguyên giá | 222 | | 62.147.984.219 | 61.481.651.274 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (40.945.842.456) | (36.690.243.943) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 5.7 | 7.980.946.446 | 7.290.842.522 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5.8 | 25.600.000.000 | 23.420.000.000 |
| 3. Đầu tư tài chính dài hạn khác | 258 | | 25.600.000.000 | 23.420.000.000 |
| V. Đầu tư dài hạn khác | 260 | | 578.692.569 | 1.149.946.093 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.9 | 578.692.569 | 1.131.946.093 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | | 18.000.000 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 318.662.959.652 | 307.898.761.504 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) | 300 | | 243.089.694.161 | 229.436.971.564 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 243.089.694.161 | 229.337.133.748 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 5.10 | 128.738.974.828 | 94.521.212.138 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 37.904.131.498 | 47.834.666.800 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 36.121.249.771 | 38.706.171.314 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 5.11 | 5.169.481.056 | 3.700.992.473 |
| 5. Phải trả công nhân viên | 315 | | 2.713.165.185 | 2.402.321.668 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | 5.12 | 23.157.290.563 | 37.014.892.693 |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp khác | 319 | 5.13 | 7.203.074.820 | 2.970.515.559 |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 2.082.326.440 | 2.186.361.103 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | | 99.837.816 |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | | 99.837.816 |
| | | | - | |
| B. NGUỒN VỐN (400=410+430) | 400 | | 75.573.265.491 | 78.461.789.940 |
| I. Nguồn vốn chủ sở hữu | 410 | 5.14 | 75.573.265.491 | 78.461.789.940 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | 5.14 | 35.000.000.000 | 35.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 5.14 | 4.277.672.000 | 4.277.672.000 |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | 5.14 | 25.109 | 29.531 |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | 5.14 | 29.929.295.728 | 26.866.035.163 |
| 8. Quỹ Dự phòng tài chính | 418 | 5.14 | 1.998.523.477 | 1.819.163.324 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | 5.14 | 1.957.523.477 | 1.778.163.324 |
| 10. Lợi nhuận chưa phân phối | 420 | 5.15 | 2.410.225.700 | 8.720.726.598 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400) | 440 | | 318.662.959.652 | 307.898.761.504 |

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|-------------------------------|-------|-------------|------------|------------|
| 5. Ngoại tệ các loại - USD | | | 104,98 | 222,52 |

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2012 | Năm 2011 |
|---|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 5.16 | 238.489.422.875 | 210.308.836.590 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu (03=04+05+06+07) | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01-02) | 10 | | 238.489.422.875 | 210.308.836.590 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 5.17 | 206.850.887.726 | 182.303.034.746 |
| 5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV (20=10-11) | 20 | | 31.638.535.149 | 28.005.801.844 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 5.18 | 87.296.595 | 221.841.089 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 5.19 | 18.223.161.106 | 13.905.994.841 |
| - Trong đó: Lãi vay phải trả | 23 | | 18.223.161.106 | 13.608.039.521 |
| <i>Chênh lệch tỷ giá</i> | 23A | | | 297.955.320 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | | |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 12.536.887.555 | 7.784.899.621 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD(30=20+21-22-24-25) | 30 | | 965.783.083 | 6.536.748.471 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 5.20 | 192.446.968 | 2.314.493.438 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 5.21 | 57.427.590 | 1.090.531.307 |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | 135.019.378 | 1.223.962.131 |
| 14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40) | 50 | | 1.100.802.461 | 7.760.710.602 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 5.22 | 309.962.335 | 811.313.395 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | | |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52) | 60 | | 790.840.126 | 6.949.397.207 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 5.23 | 226 | 1.986 |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 1.100.802.461 | 7.760.710.602 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ | 02 | | 4.454.824.113 | 4.713.192.904 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 5.294.999.292 | - |
| - Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư | 04 | | (107.100.595) | (249.997.944) |
| - Chi phí lãi vay | 05 | | 18.223.161.106 | 13.608.039.521 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 28.966.686.377 | 25.831.945.083 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (7.067.051.739) | 3.160.682.942 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (9.608.375.980) | (98.001.150.519) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (24.217.412.032) | 47.902.643.214 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 553.253.524 | (308.723.384) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | | (18.223.161.106) | (13.608.039.521) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | | (53.560.155) | (1.063.434.850) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | 18.000.000 | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | | (283.394.816) | (318.018.872) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (29.915.015.927) | (36.404.095.907) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (1.555.662.469) | (9.708.731.202) |
| 2. Tiền thu từ bán thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác | 22 | | 20.000.000 | 2.241.051.438 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (2.180.000.000) | (15.740.000.000) |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 87.100.595 | 167.013.815 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (3.628.561.874) | (23.040.665.949) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 191.600.014.542 | 158.034.970.823 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (157.382.251.852) | (104.162.055.372) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | | (5.950.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 34.217.762.690 | 47.922.915.451 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40) | 50 | | 674.184.889 | (11.521.846.405) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 2.326.331.787 | 13.848.148.661 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | | 29.531 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) | 70 | | 3.000.516.676 | 2.326.331.787 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Lilama 45.3 tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.3 (Doanh nghiệp Nhà nước) thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 010A/BXD ngày 27/01/1993 của Bộ Xây dựng.

Theo Quyết định số 04/QĐ-BXD ngày 04/01/2005 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện sắp xếp đổi mới phát triển các Tổng công ty nhà nước và Doanh nghiệp Nhà nước độc lập thuộc Bộ Xây dựng năm 2005 và Công văn số 80/TCT-HĐQT ngày 14/03/2005 của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam gửi các công ty thành viên về việc thực hiện cổ phần hoá các Công ty thành viên năm 2005. Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.3 đã tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần và đã được Bộ Xây dựng phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại Quyết định số 1810/QĐ-BXD ngày 21/09/2005 với giá trị phần vốn Nhà nước là 4.565.889.766 đồng. Ngày 24/03/2006 Công ty Cổ phần Lilama 45.3 chính thức được thành lập theo Quyết định số 497/QĐ-BXD của Bộ trưởng BXD với phần vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp là: 3.476.000.000 đồng và phần vốn góp của các cổ đông là: 3.339.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Lilama 45.3 đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 15 tháng 05 năm 2006 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 340300084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

Công ty đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ 4 vào ngày 06 tháng 08 năm 2009. Vốn điều lệ của Công ty là 35.000.000.000 đồng. Trong đó, vốn Nhà nước chiếm 51% là: 17.850.000.000 đồng và vốn góp của các cổ đông khác là: 17.150.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 862 người (năm 2011 là 835 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Xây dựng, lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp (xi măng, thủy điện, nhiệt điện, dầu khí, các công trình công nghiệp khác, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp), đường dây tải điện, trạm biến thế; Thi công xử lý nền móng, trang trí nội thất; Lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình; Sản xuất kinh doanh vật tư, đất đèn, que hàn, ô xy, phụ tùng cầu kiện kim loại cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng; Gia công, chế tạo, lắp đặt, sửa chữa thiết bị nâng và thiết bị chịu áp lực (binh, bể, đường ống chịu áp lực), thiết bị cơ, thiết bị điện, kết cấu thép phi tiêu chuẩn, cung cấp lắp đặt và bảo trì thang máy; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ, vật liệu xây dựng, điện máy, hoá chất, phụ tùng, dụng cụ cơ khí, xăng, dầu, mỡ, khí đốt, khí công nghiệp; Đại lý mua bán ký gửi hàng hoá; Tư vấn khảo sát thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp; Tư vấn đầu tư lắp đặt các dây chuyền công nghệ, kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá huỷ (siêu âm, thẩm thấu, từ tính Xray); Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ; Chống ăn mòn bề mặt kim loại; Đầu tư hạ tầng kỹ thuật và các công trình công nghiệp; Kinh doanh bất động sản, khách sạn, nhà hàng và hoạt động vui chơi giải trí.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chế tạo, lắp đặt, tư vấn đầu tư các công trình xây dựng công nghiệp.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung trên máy tính.

3. Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 24/10/2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC ("Thông tư 179") quy định việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 ("Thông tư 201"). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/12/2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01/01/2012 theo Thông tư 179 giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái ("VAS 10") ngoại trừ việc cho phép Công ty được tiếp tục xử lý các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối niên độ kế toán của các khoản công nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước theo quy định tại Thông tư 201. Quy định này tại Thông tư 179 có sự khác biệt so với VAS 10. Trong năm, Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư 201.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời..) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định đem trao đổi.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu tặng, được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu hoặc giá trị danh nghĩa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | <u>Số năm</u> |
|--------------------------|---------------|
| Nhà xưởng, vật kiến trúc | 6 - 25 |
| Máy móc, thiết bị | 6 - 10 |
| Thiết bị văn phòng | 4 - 6 |
| Phương tiện vận tải | 6 - 10 |

5. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

7. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

8. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.] Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây·lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có

thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

12. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

13. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu

nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Quý cổ đông có quan tâm xem chi tiết Báo cáo tài chính năm 2012 đã kiểm toán được công bố thông tin trên trang Website của Công ty: www.lilama45-3.com.vn

Quảng Ngãi, Ngày 08 tháng 04 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Việt